TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ- ST
Ngày 05- 9- 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái.

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Hữu Thơ- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 05/ 8/ 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phạm Minh K, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Phương T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Phạm Minh K trình bày: Anh K kết hôn với chị Đỗ Phương T ngày 11/5/2022, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ

chồng chung sống cùng nhau tại thôn H, xã C, huyện L, ban đầu vợ chồng chung sống tình cảm, hạnh phúc.

Đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay và chị T đã bỏ về nhà đẻ từ đó không quay lại chung sống cùng anh K nữa. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 18/5/2022, hiện con đang ở cùng anh K, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn anh K nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Đối với chị Đỗ Phương T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án chị T đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa anh K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Minh K được ly hôn chị Đỗ Phương T.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Minh K được nuôi con là Phạm Phương L, sinh ngày 18/5/2022. Chị Đỗ Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K. Chị Đỗ Phương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Phạm Minh K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Phương T là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Tại phiên tòa chị Đỗ Phương T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; anh K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Phạm Minh K kết hôn với chị Đỗ Phương T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/5/2022 tại UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường N, tỉnh Bắc Ninh) được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh K và chị T đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Theo anh K trình bày quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay và chị T đã bỏ về nhà đẻ từ đó không quay lại chung sống cùng anh K nữa. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị T theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Đỗ Phương T nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống với nhau được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết giữa anh K và chị T có bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, có cãi nhau và chị T đã về nhà đẻ ở, còn mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ vì không báo chính quyền địa phương. HĐXX xét thấy anh K và chị T hai bên sống ly thân nhau đã lâu, anh K không có nguyện vọng chung sống cùng chị T nữa; mặt khác chị T không đến Toà án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Toà án, chứng tỏ chị T cũng không muốn đoàn tụ chung sống cùng anh K. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vì vậy cần giải quyết cho anh Phạm Minh K được ly hôn chị Đỗ Phương T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 18/5/2022, hiện con đang ở cùng anh K đời sống được đảm bảo. Sau

khi ly hôn anh K nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. HĐXX xét thấy hiện tại anh, chị có 01 con chung đang ở cùng anh K đời sống được đảm bảo, chị T thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù con chung của vợ chồng còn nhỏ, nhưng Tòa án không lấy được lời khai của chị T và chị T cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của anh K. Để đảm bảo về quyền cũng như nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con về mọi mặt sau khi ly hôn, cần giao cho anh K được nuôi con là phù hợp pháp luật. Anh K không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Minh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Minh K được ly hôn chị Đỗ Phương T.

(2) Con chung: Giao cho anh Phạm Minh K được nuôi con là Phạm Phương L, sinh ngày 18/5/2022; chị Đỗ Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Minh K. Chị Đỗ Phương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Anh Phạm Minh K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004642 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. (Xác nhận anh K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Nhinh;
-VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
-THADS tỉnh Bắc Ninh;
-UBND phường N, tỉnh Bắc Ninh;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp